

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KRÔNG ANA
TỈNH ĐẮK LẮK**

Bản án số: 10/2019/DS-ST

Ngày 10 - 9 - 2019

*V/v tranh chấp hợp đồng dân sự
mua bán tài sản*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG ANA, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đình Tuyên

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Thế Chiến;

2. Bà Bùi Thị Thiềm.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Hoàng bảo Thụy – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Krông Ana.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Ana tham gia phiên tòa:

Bà Nguyễn Thị Nhất - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 9 năm 2019 tại hội trường Tòa án nhân dân huyện Krông Ana, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 45/2019/TLST- DS ngày 23 tháng 4 năm 2019 về “*Tranh chấp hợp đồng dân sự mua bán tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 25/2019/QĐXXST- DS ngày 02 tháng 8 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 22/2019/QĐST-DS ngày 26 tháng 8 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Hữu L

Trú tại: thôn n, xã Q, huyện K, tỉnh Đắk Lắk, có mặt.

- *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị Q

Trú tại: Thôn n, xã Q, huyện K, tỉnh Đắk Lắk, vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông Lê T(chồng bà Q).

Trú tại: Thôn n, xã Q, huyện K, tỉnh Đắk Lắk, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 03 tháng 4 năm 2019 và quá trình tố tụng tại Tòa án nguyên đơn ông Nguyễn Hữu L trình bày: Vào năm 2014, 2015 ông bán phân bón cho bà Nguyễn Thị Q nhiều lần, theo bản đối chiếu công nợ ngày 30/9/2018 bà Nguyễn Thị Q còn nợ gốc là 1.830.000đ và tiền lãi tính đến ngày

30/9/2018 là 1.440.000đ. Tổng cộng 3.270.000đ, ông L đã đòi nợ nhiều lần nhưng bà Q không chịu trả nợ.

Nguyên đơn ông L đề nghị Tòa án giải quyết buộc bị đơn bà Q và ông T (chồng bà Q) phải trả nợ gốc 1.830.000đ và tiền lãi tính từ ngày 01/01/2015 đến ngày 10/9/2019 tính tròn 44 tháng x 0,75% tháng là 603.000đ.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 03/5/2019 bị đơn bà Nguyễn Thị Q trình bày:

Vào năm 2014, 2015 bà có mua phân bón thiếu của ông L, sau mỗi mùa bà đã trả hết nợ. Đến tháng 9 năm 2018 ông L gọi điện thoại cho bà thông báo còn nợ tiền phân của ông L, cụ thể số nợ bao nhiêu bà không rõ, khi cô H bán hàng của ông L đến yêu cầu ký giấy xác nhận công nợ, bà Q đã ký giấy xác nhận công nợ nhưng không xem nội dung, bà Q xác định trên giấy xác nhận công nợ là chữ ký của bà. Ông L khởi kiện bà đồng ý trả nợ gốc 1.830.000đ, không chấp nhận trả tiền lãi.

Tại phiên tòa Đại diện VKSND huyện Krông Ana phát biểu ý kiến: Tòa án xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp là “*Tranh chấp hợp đồng dân sự mua bán tài sản*”. Bị đơn cư trú tại huyện K nên Tòa án nhân dân huyện Krông Ana thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về thời hạn chuẩn bị xét xử: Tòa án đã đưa vụ án ra xét xử trong thời hạn luật định, đúng quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về tư cách tham gia tố tụng: Xác định đúng tư cách đương sự quy định tại Điều 68 BLTTDS. Về thu thập chứng cứ Tòa án đã tiến hành thu thập chứng cứ đúng theo quy định tại Điều 97 BLTTDS.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của đương sự; bị đơn, người có nghĩa vụ liên quan không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ đương sự.

Việc tuân thủ pháp luật tố tụng của Thẩm phán trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa Hội đồng xét xử tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ Điều 438 BLDS năm 2005 đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn bà Q, người có nghĩa vụ liên quan ông Lê T phải liên đới trả nợ cho nguyên đơn số tiền gốc là 1.830.000đ và tiền lãi là 603.000^d.

Buộc bị đơn phải chịu án phí DSST theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng và quan hệ pháp luật tranh chấp: Bị đơn bà Nguyễn Thị Q và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê T đã được thông báo và triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

Nguyên đơn ông L khởi kiện bị đơn bà Nguyễn Thị Q để đòi nợ tiền mua phân bón còn thiếu nợ, HĐXX xác định quan hệ pháp tranh chấp là “Tranh chấp hợp đồng dân sự mua bán tài sản” quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn cư trú tại thôn 1, xã Q, huyện K, tỉnh Đắk Lắk, căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Krông Ana thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

[2] Về yêu cầu khởi kiện: Nguyên đơn ông Nguyễn Hữu L khởi kiện yêu cầu bị đơn bà Nguyễn Thị Q và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê T phải trả số tiền gốc là 1.830.000đ và tiền lãi là 603.000đ và giao nộp giấy xác nhận nợ bản gốc được xác lập ngày 30/9/2018.

Bị đơn bà Nguyễn Thị Q thừa nhận còn nợ tiền mua phân bón của ông Nguyễn Hữu L, tại biên bản lấy lời khai bà Q đồng ý trả nợ gốc 1.830.000đ, không đồng ý trả lãi. Như vậy, căn cứ vào chứng cứ do nguyên đơn giao nộp, lời khai của bị đơn có căn cứ kết luận việc bà Q mua phân bón của ông Nguyễn Hữu L là có thật. Hợp đồng mua bán giữa các bên được giao kết phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 428 của BLDS 2005, có hiệu lực pháp luật, thực hiện hợp đồng này nguyên đơn đã giao phân bón cho bị đơn, bị đơn đã nhận phân bón nhưng chưa trả tiền cho nguyên đơn, quá hạn trả nợ nhưng bị đơn không trả được nợ là vi phạm nghĩa vụ trả tiền của người mua quy định tại Điều 438 Bộ luật dân sự 2005. Do đó, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[3] Đối với yêu cầu tính tiền lãi của nguyên đơn, yêu cầu bị đơn phải trả tiền lãi số tiền 603.000đ. HĐXX thấy rằng, tại giấy xác nhận công nợ được lập ngày 30/9/2018 thể hiện tiền gốc là 1.830.000đ, tiền lãi với lãi suất 1,5% tháng tính đến 30/9/2018 là 1.440.000đ, như vậy các bên có thỏa thuận lãi. Tuy nhiên, nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả lãi mức 9% năm tương đương 0,75% tháng x 44 tháng x nợ gốc 1.830.000đ] = 603.000đ là phù hợp nên chấp nhận.

Bà Q mua phân bón về phục vụ sản xuất, phát triển kinh tế gia đình, căn cứ Điều 27 luật hôn nhân & gia đình năm 2014 cần buộc ông Lê T là chồng bà Q phải liên đới cùng với bà Nguyễn Thị Q trả nợ gốc và lãi nói trên cho ông L là phù hợp.

[4] Về án phí: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận. Căn cứ vào khoản 1 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Bà Nguyễn Thị Q, ông Lê T phải chịu án phí DSST số tiền là 300.000đ.

Nguyên đơn ông Nguyễn Hữu L không phải chịu án phí DSST, hoàn trả cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 428, Điều 438 của Bộ luật dân sự 2005; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1/ Tuyên xử: Công nhận hợp đồng mua bán tài sản giữa ông Nguyễn Hữu L và bà Nguyễn Thị Q .

Buộc bà Nguyễn Thị Q và ông Lê T phải liên đới trả nợ cho ông Nguyễn Hữu L số tiền 2.433.000đ (*hai triệu bốn trăm ba mươi ba nghìn đồng*) trong đó nợ gốc 1.830.000đ và nợ lãi 603.000đ.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015.

2/ Về án phí: bà Nguyễn Thị Q , ông Lê T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000đ

Hoàn trả cho ông Nguyễn Hữu L số tiền tạm ứng án phí 300.000^d (ba trăm nghìn đồng) đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Krông Ana, theo biên lai số: 9373 ngày 19 tháng 4 năm 2019.

Đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì Người được thi hành án dân sự, Người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Đình Tuyên

